

BÁO CÁO

**Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022,
phương hướng nhiệm vụ năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**
*(Tài liệu phục vụ Kỳ họp thứ 11 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII,
nhiệm kỳ 2021-2026)*

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ; Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022; thực hiện Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Chương trình tổng thể của tỉnh Cao Bằng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022, UBND tỉnh Cao Bằng báo cáo tình hình và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Luật THTK, CLP của địa phương

1. Về công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP

Căn cứ chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ và Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước (cơ quan, đơn vị, địa phương) trên địa bàn tỉnh quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân thực hiện các quy định, chính sách, pháp luật về THTK, CLP như:

- Luật THTK, CLP ngày 26/11/2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THTK, CLP; Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2022;

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật THTK, CLP gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ

Chí Minh”. Mở rộng các hình thức tuyên truyền qua phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh và các cơ quan; lồng ghép tuyên truyền THPTK, CLP trong các hội nghị sơ kết, tổng kết, hội nghị cán bộ công nhân viên chức các cơ quan.

- Các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo địa phương luôn bám sát, tuyên truyền kịp thời các chủ trương, chính sách, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến THPTK, CLP tới đông đảo nhân dân trong tỉnh.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

Ngày 28/01/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 126/QĐ-UBND về Chương trình THPTK, CLP năm 2022 của tỉnh. Trong đó, đề ra các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm và một số chỉ tiêu để triển khai thực hiện THPTK, CLP trên địa bàn tỉnh trong năm 2022. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng chương trình THPTK, CLP nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ nội dung trọng tâm và các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu THPTK, CLP gắn với việc thanh tra, kiểm tra, giám sát.

b) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

Căn cứ các văn bản Trung ương và các Nghị quyết của HĐND tỉnh (Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022; Nghị quyết số 50/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND tỉnh Cao Bằng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025; Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Cao Bằng về sửa đổi bổ sung Điều 4 Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng), UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị tiếp tục tăng cường, chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên, vốn đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công đạt hiệu quả cao hơn nữa trong thời gian tới; tăng cường hơn nữa việc quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý tài sản, tài chính của các doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng điện; quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, chấn chỉnh công tác quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh nhằm phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19; tiếp tục kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước, gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập;... tạo tiền đề quan trọng để đạt được những kết quả về THPTK, CLP trong năm 2022.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách ở các đơn vị cấp dưới, triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước và sự nghiệp; thực hiện tiết kiệm, hiệu quả, chủ động cắt giảm các đoàn đi công tác nước ngoài, công tác trong nước. Rà soát, kiểm tra, thanh tra các đoàn công tác từ cấp trên xuống cấp dưới, bảo đảm gọn nhẹ, tiết kiệm, hiệu quả; không tổ chức đón tiếp gây tốn kém chi phí đối với cấp dưới và các cơ quan có liên quan. Triệt để tiết kiệm trong sử dụng văn phòng phẩm, thực hiện nhận văn bản chỉ đạo qua mạng công nghệ thông tin.

Quản lý tốt nguồn vốn đầu tư phát triển theo thẩm quyền, sử dụng nguồn vốn tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, nâng cao chất lượng dự án đầu tư. Rà soát và điều chỉnh vốn đầu tư từ các chương trình, dự án không triển khai thực hiện hoặc thực hiện chậm tiến độ sang các dự án quan trọng, cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ, có khả năng giải ngân nhanh vốn đầu tư năm 2022.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP

Công tác thanh tra, kiểm tra THTK, CLP được các cấp, các ngành chú trọng; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể, tập trung sâu vào các lĩnh vực trọng điểm; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra nội bộ tại các đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Các cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành, cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong năm 2022, toàn ngành thanh tra đã thực hiện 28 cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP (*đạt 90% so với kế hoạch, 72% so với năm 2021*) đối với 76 đơn vị. Theo đó, tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát là 1.180 triệu đồng (*đạt 169% so với năm 2021*), đã xử lý, thu hồi là 732 triệu đồng (*bằng 149% so với năm 2021*).

II. Kết quả THTK, CLP

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

1.1. THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong năm 2022, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được UBND tỉnh quyết định thành lập đã ban hành mới 50 văn bản (*đạt 104% so với kế hoạch, 125% so với năm 2021*); sửa đổi, bổ sung 24 văn bản (*đạt 96% so với kế hoạch, 75% so với năm 2021*) quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu nội bộ. Các cơ quan, đơn vị chỉ trình cấp thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết.

Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ là 67 cuộc (đạt 88% so với kế hoạch, 86% so với năm 2021), số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được phát hiện, xử lý là 0 vụ.

1.2. THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a) Trong việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán

Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt dự toán theo quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với khả năng ngân sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách; rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chưa thật sự cần thiết, trùng lặp, kém hiệu quả, thực hiện cắt giảm kinh phí của một số nội dung chỉ mục tiêu, nhiệm vụ hết giai đoạn thực hiện hoặc đã thực hiện còn thừa để bố trí cho nội dung chi mới phát sinh; ưu tiên nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến con người và các chế độ, chính sách Trung ương và địa phương đã ban hành. Kết quả tiết kiệm theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ là 124.708 triệu đồng¹ (đạt 100% kế hoạch, bằng 78% so với năm 2021).

b) Trong quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

- Về chi quản lý hành chính: UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hạn chế tối đa việc tổ chức hội nghị, hội thảo, công tác phí, chi tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm, chi đoàn ra, đoàn vào nhưng vẫn đảm bảo phục vụ yêu cầu công tác và phù hợp quy định về phòng chống dịch bệnh COVID- 19; không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để chi quà biếu, quà tặng không đúng chế độ quy định; trong năm tiết kiệm 2.535 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch năm 2022, bằng 48% so với năm 2021), trong đó:

+ Tiết kiệm văn phòng phẩm: 319 triệu đồng; cước phí thông tin liên lạc: 106 triệu đồng.

+ Tiết kiệm sử dụng điện: 80 triệu đồng; xăng dầu: 210 triệu đồng; nước sạch: 19 triệu đồng.

+ Tiết kiệm công tác phí: 544 triệu đồng; tổ chức hội nghị, hội thảo: 171 triệu đồng; chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm: 580 triệu đồng;

+ Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc: 506 triệu đồng.

- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại là 440 triệu đồng² (đạt 34% kế hoạch năm 2022, bằng 25% so với cùng kỳ năm 2021);

¹ Trong đó: Cấp tỉnh thực hiện là 57.365 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch, bằng 101% so với năm 2021); Cấp huyện, thành phố là 67.343 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch, bằng 66% so với năm 2021).

² Trong đó: Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại là 103 triệu đồng (đạt 44% kế hoạch, bằng 25% so với năm 2021); Thẩm định, phê duyệt dự toán là 1 triệu đồng; Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh là 136 triệu đồng (đạt 61% kế hoạch, bằng 10% so với năm 2021); Các nội dung khác là 200 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch).

- Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, đơn vị: 10.539 triệu đồng (*đạt 151% kế hoạch năm 2022, bằng 291% so với cùng kỳ năm 2021*).

- Trong quản lý, sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu: UBND tỉnh đã thực hiện phân khai dự toán các chương trình mục tiêu từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và bố trí vốn đối ứng ngân sách của địa phương theo danh mục và kế hoạch vốn đã được phê duyệt, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí, định mức, nội dung đầu tư của từng chương trình; kế thừa, lồng ghép với dự án, chương trình có nội dung tương tự theo đúng quy định. Ngoài ra, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Tuy nhiên, do nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia giao chậm (Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định ngày 28/5/2022), trong khi các văn bản hướng dẫn của Trung ương chưa được ban hành đầy đủ và đồng bộ, nhất là các văn bản hướng dẫn thực hiện vốn sự nghiệp; vì vậy, đến thời điểm hiện nay, các địa phương, đơn vị gặp nhiều khó khăn trong công tác giải ngân vốn được giao năm 2022, kéo theo kết quả thực hành tiết kiệm từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia chưa đạt như kế hoạch đề ra.

- Đối với công tác quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: sử dụng kinh phí đúng mục đích, không trùng lặp với các nguồn kinh phí khác, ưu tiên bố trí kinh phí cho nhiệm vụ kết thúc trong năm 2022.

- Về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo: Tiếp tục đảm bảo chi cho các hoạt động chung của ngành giáo dục có hiệu quả, tiết kiệm; mọi hoạt động đều phải có kế hoạch, dự toán được lãnh đạo phê duyệt trước khi thực hiện; việc thanh quyết toán đảm bảo đầy đủ các thủ tục theo quy định của nhà nước.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế: Thực hiện chính sách tiết kiệm đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm ngặt trong tất cả các đơn vị của ngành y tế. Trong năm tiết kiệm 15.710 triệu đồng (*đạt 100% so với kế hoạch*).

c) Trong sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước (NSNN) lãng phí, sai chế độ

Thông qua công tác quyết toán niên độ ngân sách, năm 2022 đã phát hiện 43 cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, không đúng chế độ (*bằng 61% so với năm 2021*), với tổng số tiền chi không đúng quy định phát hiện qua công tác quyết toán ngân sách là 1.461 triệu đồng (*bằng 115% so với năm 2021*).

1.3. THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

Trong từng cơ quan, đơn vị luôn chú trọng việc thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ hiện hành, đặc biệt là các quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản có liên quan, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; cùng với đó, đẩy mạnh việc mua sắm tập trung để nâng cao hiệu quả và tiết kiệm trong mua sắm tài sản.

Đối với mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại, tiếp tục áp dụng định mức tối đa sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và hình thức quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Cao Bằng tại Quyết định số 2089/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng; trong năm cũng đã ban hành Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành kèm theo Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, sắp xếp lại xe ô tô phục vụ công tác chung, qua đó xác định phương án xử lý điều chuyển, thanh lý, thu hồi để bố trí xe phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

1.4. THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

- Việc bố trí vốn chi đầu tư được thực hiện đúng theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản có liên quan. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư khẩn trương triển khai đảm bảo tiến độ thực hiện dự án đã phê duyệt cũng như tiến độ giải ngân vốn theo cam kết; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn đã được phân bổ; tập trung hoàn tạm ứng ngân sách và quyết toán các dự án hoàn thành; qua đó, đã tiết kiệm được 33.555 triệu đồng³ so với dự toán được phê duyệt (*đạt 100% so với kế hoạch, bằng 119% so với cùng kỳ năm 2021*).

- Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng: Thực hiện Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 897/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và đổi tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng. UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành rà soát, sắp xếp, xử lý tài sản công theo Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã nghiêm túc triển khai thực hiện rà soát các cơ sở nhà, đất được giao quản lý, sử dụng và thực hiện đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 về việc phê duyệt

³ Trong đó: Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán là 3.603 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch, bằng 70% so với năm 2021); Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh là 28.067 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch, bằng 172% so với năm 2021); Thực hiện đầu tư, thi công là 970 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch, bằng 24% so với năm 2021); Thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 905 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch, bằng 33% so với năm 2021).

phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng.

Kết quả, tổng diện tích trụ sở làm việc cuối kỳ là 2.157.703 m²; giảm do sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất là 6.784 m².

1.5. THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Trong năm, tỉnh đã chỉ đạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng từng loại tài nguyên đất, nước, khoáng sản...; các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định, quyết định trong việc tái tạo, bảo vệ phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên, góp phần THTK, CLP trong khai thác và sử dụng tài nguyên.

Bên cạnh đó, tăng cường công tác kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, nghĩa vụ theo quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác khoáng sản gắn với công tác bảo vệ môi trường; thực hiện công tác kiểm tra, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh nhằm ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, làm thất thoát tài nguyên khoáng sản của nhà nước.

Kết quả cụ thể như sau:

- Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên đất: Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật là 9.118 m² (bằng 304% so với năm 2021). Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi 982 m² (bằng 64% so với năm 2021). Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm 411 triệu đồng (bằng 588% so với năm 2021).

- Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác: Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên là 37 vụ (bằng 21% so với năm 2021). Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm 1.144 triệu đồng (bằng 89% so với năm 2021).

1.6. THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Đối với công tác tổ chức bộ máy, thực hiện nghiêm việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm bớt đầu mối, giảm khâu trung gian, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả đối với cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh; triển khai sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, hoạt động hiệu quả; thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, người lao động để sử dụng hiệu quả chi thường xuyên, góp phần nâng cao đời sống thu nhập cho công chức, viên chức người lao động. Một số nội dung nổi bật như: thành lập, tổ chức lại 03 tổ chức hành chính và 09 đơn vị sự nghiệp⁴; ban hành 13 quyết định quy định chức

⁴ Thành lập Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Cao Bằng; tổ chức lại 07 Trạm kiểm dịch động thực vật cửa khẩu thành Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu thuộc Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đổi tên Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu thành Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường và tổ chức lại 03 tổ chức hành chính (01 chi cục và 02 phòng) của Sở Tài nguyên và Môi trường.

năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, góp phần khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ được giao; tổ chức lại các Trường Phổ thông Dân tộc nội trú trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo chuyển giao về UBND cấp huyện quản lý; phê duyệt danh sách và cấp kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế năm 2022 cho 197 trường hợp đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện,...

Đối với quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước: Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của công chức, viên chức, người lao động. Nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong quản lý công chức, viên chức, người lao động; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế về thời gian làm việc. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, trong năm 2022, Tổ kiểm tra công vụ của tỉnh đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương và văn hóa công vụ tại 06 sở, ngành và 03 huyện⁵, qua kiểm tra, nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị có ý thức tổ chức kỷ luật, sử dụng hiệu quả thời giờ làm việc, chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, có tinh thần, thái độ làm việc tích cực, nỗ lực hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

1.7. THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

Thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư, quản lý tài chính, mua sắm, phân phối thu nhập, công tác cán bộ; nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển; hiệu quả hoạt động ngày càng được nâng cao; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, sử dụng đất, tài sản đúng mục đích được giao.

Trong năm 2022, các doanh nghiệp nhà nước tiết kiệm chi phí nguyên, vật liệu được 41 triệu đồng (*đạt 100% so với kế hoạch, bằng 123% so với cùng kỳ năm 2021*); tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng 1.402 triệu đồng (*đạt 100% so với kế hoạch, bằng 346% so với cùng kỳ năm 2021*); tiết kiệm chi phí quản lý 25 triệu đồng (*đạt 100% so với kế hoạch, bằng 42% so với cùng kỳ năm 2021*).

1.8. Trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài NSNN được thực hiện theo đúng quy định; UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các Quỹ để có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và sử dụng. Nhìn chung, các quỹ tài chính ngoài NSNN của tỉnh hoạt động hiệu quả, góp phần cùng với NSNN thực hiện một số mục tiêu kinh tế - xã hội cụ thể trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương.

⁵ các Sở: Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại vụ; UBND các huyện: Nguyên Bình, Bảo Lạc, Bảo Lâm.

1.9. THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan truyền thông, các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức về THTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng, dành nguồn lực đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.

Hàng năm, tỉnh tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Giờ Trái đất, tổ chức nhiều cuộc tập huấn, thi tìm hiểu việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Từ đó đã tác động tích cực đến ý thức sử dụng năng lượng tiết kiệm trong cán bộ, công chức và người dân.

2. Đánh giá chung

2.1. Đánh giá kết quả đạt được

Công tác THTK, CLP của các cơ quan đã có những chuyển biến tích cực; các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí đã đi vào trọng tâm, trọng điểm, hoạt động của các cơ quan, đơn vị ngày càng công khai, minh bạch. Chương trình tổng thể THTK, CLP năm 2022 của UBND tỉnh đã ban hành được triển khai đầy đủ, toàn diện đến các cơ quan, đơn vị, địa phương; công tác tuyên truyền phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về THTK, CLP đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân được thực hiện thường xuyên.

Các ngành, các cấp tăng cường kiểm soát việc chi tiêu công, tiếp khách, tổ chức các hội nghị, hội thảo, điều hành ngân sách chặt chẽ và hiệu quả; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn; quản lý, sử dụng ngân sách đúng mục đích, chế độ thông qua công tác lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ và giao dự toán ngân sách Nhà nước đối với từng lĩnh vực theo chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan, góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Kiểm soát chặt chẽ công tác thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; hồ sơ thẩm định quyết toán; công tác đấu thầu, thẩm định kết quả đấu thầu, chào hàng cạnh tranh đối với các dự án sử dụng NSNN; thực hiện nghiêm túc quy trình thẩm tra hồ sơ quyết toán các công trình hoàn thành.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật đã góp phần tránh lãng phí trong việc sử dụng đất đai.

Các doanh nghiệp quản lý vốn Nhà nước đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý, mở rộng kinh doanh, tăng cường quản lý các định mức tiêu hao nguyên vật liệu theo quy định.

2.2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác THPTK, CLP vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Chương trình THPTK, CLP của một số cơ quan, đơn vị còn chung chung, không xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo (tiết kiệm trong quản lý hành chính: văn phòng, điện, nước; trong chi cho con người; trong quản lý, sử dụng tài sản công; trong đầu tư công,...), chưa bám sát vào đặc điểm, đặc thù của từng đơn vị để đặt ra chương trình hành động thiết thực; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác THPTK, CLP, tự kiểm tra chưa được phát huy, vẫn còn một số đơn vị chậm hoặc đến nay chưa xây dựng chương trình THPTK, CLP của cơ quan, đơn vị.

- Chế độ thực hiện thông tin, báo cáo của một số sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và doanh nghiệp chưa kịp thời, chất lượng báo cáo chưa đáp ứng được yêu cầu, số liệu báo cáo chưa đầy đủ, khó khăn cho công tác tổng hợp báo cáo tình hình THPTK, CLP của tỉnh.

- Tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công trong năm vẫn còn thấp so với kế hoạch vốn giao, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Nguyên nhân chủ yếu do tâm lý chủ quan của một số chủ đầu tư, chưa quyết liệt chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ những tháng đầu năm. Mặt khác, quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, công tác lựa chọn nhà thầu, giải phóng mặt bằng còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Việc quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến cơ sở nhà, đất chưa chặt chẽ. Một số đơn vị chưa thật sự quan tâm chỉ đạo trong công tác sắp xếp nhà, đất theo quy định; có đơn vị nghiên cứu, cập nhật các quy định chưa đầy đủ dẫn đến việc thực hiện thống kê còn sai các biểu mẫu, kê khai chưa đầy đủ cơ sở nhà, đất,... Các cơ quan, địa phương phải rà soát lại các số liệu cho phù hợp với quy định mới, làm kéo dài thời gian, chậm tiến độ thực hiện Nghị định 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Một số đơn vị chưa nhận thức đầy đủ mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác quản lý, sử dụng tài sản công, chưa chấp hành đầy đủ các chế độ báo cáo tài sản công theo quy định.

- Việc kiểm tra, tự phát hiện các vụ việc lãng phí trong quá trình tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, đơn vị vẫn còn hạn chế. Hầu hết các vụ việc được phát hiện do quá trình kiểm tra, thanh tra của cơ quan các cấp.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp THPTK, CLP năm 2023

Trên cơ sở kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác THPTK, CLP năm 2022, UBND tỉnh đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong năm 2023 như sau:

1. Trong công tác quán triệt, tuyên truyền về THPTK, CLP

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trong THPTK, CLP bằng nhiều hình thức đa dạng nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về

mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THPT, CLP đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và toàn xã hội. Nêu cao tinh thần trách nhiệm và vai trò của các cơ quan báo, đài trong công tác tuyên truyền THPT, CLP. Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đặc biệt, chú trọng tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai THPT, CLP.

2. Trong quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

- Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách, thực hiện dự toán NSNN đúng quy định của pháp luật; quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán NSNN và chi chuyển nguồn sang năm sau. Thường xuyên rà soát các chế độ, chính sách không còn phù hợp để bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng NSNN không đúng quy định, gây thất thoát, lãng phí.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí. Trong đó, cần tập trung xử lý dứt điểm các sai phạm và những vấn đề phát sinh sau thanh tra nhằm chấn chỉnh, cũng như mang tính hướng dẫn nghiệp vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị để tránh xảy ra sai phạm trong quá trình điều hành ngân sách.

- Khẩn trương triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Kiểm tra, rà soát tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4. Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc

- Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án, công trình; tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư công; bảo đảm tuân thủ đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động đầu tư công.

- Thực hiện rà soát tiến độ thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế dự toán xây dựng, giải ngân và quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư xây dựng theo thẩm quyền. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tập trung nhân lực, rút ngắn tối đa thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính; thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh kịp thời các hạn chế, thiếu sót đối với các phòng, đơn vị trực thuộc trong thực hiện thủ tục thanh toán, giải ngân vốn đầu tư.

- Yêu cầu chủ đầu tư ban hành kế hoạch giải ngân đối với từng dự án cụ thể, cam kết tiến độ giải ngân của từng dự án, trường hợp giải ngân không đạt tiến độ theo cam kết, xem xét điều chuyển vốn cho dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn hoặc đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, cho tạm ứng ngân sách đối với các dự án có khả năng đẩy nhanh tiến độ nhưng thiếu vốn do phải chờ thực hiện quy trình điều chỉnh kế hoạch vốn; xem xét điều chuyển chủ đầu tư dự án theo thẩm quyền.

- Tiếp tục sắp xếp lại, xử lý nhà đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

Triển khai quyết liệt các biện pháp quản lý chặt chẽ đất đai; khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, xử lý triệt để tình trạng phá rừng, khai thác rừng bất hợp pháp, khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh.

6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng, trách nhiệm trong thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, mạnh dạn tinh giản biên chế đối với các trường hợp yếu kém, hạn chế về năng lực, đạo đức; tập trung nâng cao chất lượng xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó cần xác định thật cụ thể nhiệm vụ đảm nhận, yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng vị trí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao; xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, vi phạm pháp luật, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện tự chủ để xây dựng kế hoạch giao số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) theo hướng tự chủ trong năm 2023.

7. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại các doanh nghiệp nhà nước

- Tiếp tục thực hiện rà soát, bổ sung, hoàn thiện Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; thực hiện hiệu quả chương trình, kế hoạch xúc tiến, thu hút đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch COVID-19.

- Thường xuyên theo dõi tình hình quản lý tài sản nhà nước, quản lý sử dụng vốn chủ sở hữu, tài chính của các doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện kiểm toán bắt buộc và công khai tài chính trong các doanh nghiệp, phát hiện kịp thời, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi gây lãng phí vốn, tài sản, lao động, tài nguyên thiên nhiên.

8. Trong quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách

Tiếp tục thực hiện rà soát các quy định hiện hành liên quan đến việc thành lập, hoạt động và quản lý đối với các quỹ tài chính ngoài NSNN; đánh giá hiệu quả các quỹ tài chính ngoài NSNN đang hoạt động để có giải pháp nâng cao hiệu quả trong quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của Luật NSNN.

9. Trong sản xuất và tiêu dùng cá nhân

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân về ý thức THPTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng cá nhân; phát hiện và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả trong nhân dân. Khuyến khích cộng đồng tiết kiệm trong tiêu dùng, trong tổ chức việc cưới, việc tang và lễ hội.

Trên đây là báo cáo tình hình THPTK, CLP năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; Ủy ban nhân dân tỉnh xin báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh Cao Bằng (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, CVTH;
- Lưu: VT, TH (TR).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

Phụ lục I
KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH QUẢN LÝ
Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 3016 /BC-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kết quả năm 2022	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	40	48	50	125	104	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản	32	25	24	75	96	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	78	76	67	86	88	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện, xử lý	Vụ		0	0	0	0	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi hành tiền VNĐ)	Triệu đồng		0	0	0	0	
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		159.099	125.022	125.022	79	100	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng	0	314	314	0	100	Bao gồm dự toán giao từ đầu năm và chỉ tiêu tiết kiệm thêm trong năm
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng	159.099	124.708	124.708	78	100	
	<i>Trong đó: - Các đơn vị dự toán cấp tỉnh</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>56.944</i>	<i>57.365</i>	<i>57.365</i>	<i>101</i>	<i>100</i>	
	<i>- Ngân sách cấp huyện, thành phố</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>102.155</i>	<i>67.343</i>	<i>67.343</i>	<i>66</i>	<i>100</i>	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.4	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kết quả năm 2022	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú	
						So với năm trước	So với KH		
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9	
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN (cộng từ 2.1+ + đến 2.7)		10.705	26.427	29.224	273	111		
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	Triệu đồng	5.252	2.535	2.535	48	100		
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.602</i>	<i>319</i>	<i>319</i>	<i>20</i>	<i>100</i>		
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>501</i>	<i>106</i>	<i>106</i>	<i>21</i>	<i>100</i>		
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>249</i>	<i>80</i>	<i>80</i>	<i>32</i>	<i>100</i>	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được giao; mức khoán chi được giao	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>458</i>	<i>210</i>	<i>210</i>	<i>46</i>	<i>100</i>		
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>146</i>	<i>19</i>	<i>19</i>	<i>13</i>	<i>100</i>		
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>699</i>	<i>544</i>	<i>544</i>	<i>78</i>	<i>100</i>		
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>731</i>	<i>171</i>	<i>171</i>	<i>23</i>	<i>100</i>		
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>528</i>	<i>580</i>	<i>580</i>	<i>110</i>	<i>100</i>		
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>289</i>	<i>506</i>	<i>506</i>	<i>175</i>	<i>100</i>		
	<i>Tiết kiệm từ kinh phí tiền lương được cấp</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>51</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	Triệu đồng	1.769	1.202	440	25	37		
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại	Triệu đồng	407	235	103	25	44		
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	1.362	967	337	25	35		
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>54</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>100</i>	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán được duyệt	
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>1.308</i>	<i>221</i>	<i>136</i>	<i>10</i>	<i>61</i>		
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>		<i>0</i>	<i>0</i>				
	<i>Các nội dung khác</i>	<i>Triệu đồng</i>		<i>200</i>	<i>200</i>		<i>100</i>		
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Triệu đồng	3.616	6.980	10.539	291	151		
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Triệu đồng	69	0	0	0	0		
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Triệu đồng	0	0	0	0	0		
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Triệu đồng	0	0	0	0	0		
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Triệu đồng	0	15.710	15.710		100		
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ								
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	645	73	73	11	100		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kết quả năm 2022	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, không đúng chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	70	43	43	61	100	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng	1.267	1.461	1.461	115	100	
4	Các nội dung khác	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (xe ô tô)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	316	273	273	86	100	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận đ/chuyển)	Chiếc	45	11	0	0	0	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	88	29	0	0	0	
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	Chiếc	273	255	273	100	107	
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	0	0	0	0	0	
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
2	Tài sản khác		0	0	0			
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, đ/chuyển, thu hồi	Tài sản	15	0	0	0	0	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản	0	0	0	0	0	
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Các nội dung khác	Triệu đồng		0	0	0	0	
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án	0	0	0	0	0	
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	28.256	33.555	33.555	119	100	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	5.143	3.603	3.603	70	100	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...	Triệu đồng	16.329	28.076	28.076	172	100	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	4.000	970	970	24	100	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	2.784	905	905	33	100	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng		0	0	0	0	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án	1	1	1	100	100	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kết quả năm 2022	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	- Số lượng	Dự án	0	0	0	0	0	
	- Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	2.166.399	2.164.487	2.164.487	100	100	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận đ/chuyển	m2	0	0	0	0	0	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	1.913	6.784	6.784	355	100	
2.4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m2	2.164.487	2.157.703	2.157.703	100	100	
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0	0	0	
2.6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0	0	0	
2.7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	5.853	0	5.593	96	0	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0	0	0	0	
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	260	0	0	0	0	
3.4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m2	5.593	0	5.593	100	0	
3.5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0	0	0	
3.6	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0	0	0	
3.7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm P.luật	m2	3.000	9.118	9.118	304	100	
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2	1.530	982	982	64	100	
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	70	411	411	588	100	
1.4	Các nội dung khác			0	0	0	0	
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác		0	0	0	0	0	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kết quả năm 2022	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, SD tài nguyên	Vụ	178	37	37	21	100	Theo phát sinh thực tế
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	1.284	1.144	1.144	89	100	
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được		0	0	0			
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án	0	0	0	0	0	
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được		0	0	0	0	0	
4	Các nội dung khác		0	0	0			
4.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	Vụ	8	0	0	0	0	
4.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	19	0	0	0	0	
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ	0	0	0	0	0	
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
3	Các nội dung khác		0	0	0	0	0	
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh (1.1 +...+ 1.6)		576	1.541	1.541	268	100	
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	33	41	41	123	100	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	405	1.402	1.402	346	100	
	- Tiết kiệm điện	Kw/h	347.826	373.298	373.298	107	100	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	180	24.531	24.531	13628	100	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	60	25	25	42	100	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến k.thuật	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (chi phí khác)	Triệu đồng	38	34	34	91	100	
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	40	39	39	98	100	
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	22	25	15	68	60	
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	22	25	15	68	60	
3	Sử dụng các nguồn kinh được cấp từ NSNN							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kết quả năm 2022	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	8	8	8	100	100	
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc	0	0	0	0	0	
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc	0	0	0	0	0	
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc	0	0	0	0	0	
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	Triệu đồng	4.423	3.996	3.944	89	99	
	Số cuối kỳ	Triệu đồng	4.196	3.944	3.920	93	99	
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	Triệu đồng	566.472	586.738	579.819	102	99	
	Số cuối kỳ	Triệu đồng	574.724	588.994	583.186	101	99	
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ	0	0	0	0	0	
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ	0	0	0	0	0	
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực	Cuộc	39	31	28	72	90	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	Cuộc	30	18	20	67	111	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	Cơ quan/tổ chức/đơn	54	72	76	141	106	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn	21	12	11	52	92	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kết quả năm 2022	So sánh năm trước/kế hoạch		Ghi chú
						So với năm trước	So với KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	698	1.180	1.180	169	100	
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	490	732	732	149	100	

Phụ lục II

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DO NHÀ NƯỚC NẤM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Kỳ báo cáo: Năm 2022

(Kèm theo Báo cáo số: **3016** /BC-UBND ngày **16** tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện năm 2022	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2021	So sánh với KH 2022	
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4 (%)	8 = 6/5 (%)	9
I	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh		576	1.559	1.541	268%	99%	
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	33	41	41	123%	100%	
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng	405	1.402	1.402	346%	100%	
2.1	Tiết kiệm điện	Kw/h	347.826	378.070	373.298	107%	99%	
2.2	Tiết kiệm xăng, dầu	Lít	180	26.778	24.531	13628%	92%	
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	60	25	25	42%	100%	
4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng		0	0			
5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (chi phí khác)	Triệu đồng	38	46	34	91%	75%	
6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng	40	46	39	98%	85%	
II	Quản lý đầu tư xây dựng							
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	22	25	15	68%	60%	
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	22	25	15	68%	60%	
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		0	0	0			
3.1	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	0	0	0			
3.2	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...	Triệu đồng	0	0	0			
3.3	Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	0	0	0			
3.4	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	0	0	0			
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện năm 2022	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm 2021	So sánh với KH 2022	
1	2	3	4	5	6	7 = 6/4 (%)	8 = 6/5 (%)	9
4.1	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	Dự án	0	0	0			
4.2	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	Triệu đồng	0	0	0			
5	Các nội dung khác		0	0	0			
III	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước							
1	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng	0	0	0			
2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được	Triệu đồng	0	0	0			
3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng	0	0	0			
IV	Mua sắm phương tiện							
1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con		0	0	0			
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	8	8	8	100%	100%	
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc	0	0	0			
1.3	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng	0	0	0			
1.4	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	Chiếc	0	0	0			
1.5	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng	0	0	0			
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc	0	0	0			
2.1	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc	0	0	0			
2.2	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng	0	0	0			
V	Nợ phải thu khó đòi							
1	Số đầu kỳ	Triệu đồng	4.423	3.996	3.944	89%	99%	
2	Số cuối kỳ	Triệu đồng	4.196	3.944	3.920	93%	99%	
VI	Vốn chủ sở hữu							
1	Số đầu năm	Triệu đồng	566.472	586.738	579.819	102%	99%	
2	Số cuối năm	Triệu đồng	574.724	588.994	583.186	101%	99%	